

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 31/8/2021.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Ngọc.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Xuân Thắng.

2. Ông Nguyễn Thế Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:*

Bà Giản Thị Chung. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 08 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 161/2021/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 04 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 08 năm 2021, Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1996.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 11, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn 6D, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Bùi Đức A, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Thôn 11, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 08/04/2021, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Vũ Thị T trình bày:**

Tôi và chồng tôi ông Bùi Đức A có về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/01/2019.

Nguyên nhân chính dẫn đến tôi làm đơn xin ly hôn: bản thân tôi trước đây có 01 đời chồng và có 01 đứa con riêng với chồng cũ, sau khi về chung sống với ông A thì chồng tôi và gia đình có xin nhận nuôi con riêng của tôi và chuyển toàn bộ họ tên theo yêu cầu của chồng tôi, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn chồng tôi thường xuyên phải đi làm, cho đến khoảng 2 tháng trước khi tôi làm đơn xin ly hôn, thì ông A muốn mua máy chung để cuốn rơm nhưng vì không có vốn nên tôi không đồng ý với lại mua chung máy với người ta lại phức tạp ra, bản thân tôi nói thì chồng không nghe nên dẫn đến hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xích mích, với lại lúc đó con riêng của tôi có về chung sống, ông A đôi lúc đánh con riêng của tôi lại càng khiến bản thân của tôi cảm thấy áp lực với cuộc sống gia đình, càng chung sống vợ chồng càng xảy ra mâu thuẫn. Hai vợ chồng chúng tôi đã không sống chung với nhau từ tháng 04/2021 cho đến nay, trong khoảng

thời gian Tòa án giải quyết vụ án thì vào ngày 14/6/2021 ông Vũ Đức A có vào nhà ông Vũ Văn Q là bố vợ để đón cháu Bùi Thị Mỹ N, nên giữa hai bên có xảy ra mâu thuẫn, ông A đã có hành động đã hù dọa dỡ nhà của bố vợ, mở cốp xe máy lấy 01 con dao rồi nên xe máy chạy tông vào cửa nhà làm cửa bị hư hỏng, sau đó được căn ngăn nên ông A mới đi về sự việc này được BTQ thôn 6D xã C lập biên bản làm việc, nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống chỉ mang lại áp lực cho nhau, nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Bùi Đức A.

Về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi sinh được 01 người con chung.

+ Cháu tên: Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 26/7/2020.

Còn với cháu Bùi Đức Th, sinh ngày 22/7/2016, cháu thẳng là con riêng của tôi với chồng trước, ông A đồng ý nhận nuôi và cải chính họ tên cho cháu.

Nay hai vợ chồng ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu 2 cháu đến tuổi trưởng thành.

Về trợ cấp nuôi dưỡng con chung: Tôi yêu cầu hàng tháng ông A phải có trách nhiệm trợ cấp tiền nuôi dưỡng cháu N là 700.000 đồng/tháng.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Đức A trình bày:**

Tôi và vợ tôi có về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/01/2019.

Trong quá trình về chung sống tôi có nhận con riêng của vợ tôi làm con nuôi và có thay đổi họ tên của cháu lấy họ của tôi. Chúng tôi sống chung tại nhà và đất rẫy khoảng 1ha của bố mẹ tôi cho, vì điều kiện khó khăn tôi thường xuyên phải đi làm thêm ở ngoài để kiếm thêm thu nhập, nhưng bản thân vợ tôi lại ít quan tâm cho gia đình, chỉ để ý về chung sống với ông bà Ngoại và làm nông nghiệp giúp ông bà, thường xuyên về nhà ông bà Ngoại chơi 1 tuần từ 2 – 3 lần, gia đình bên ngoại có việc gì to nhỏ vợ tôi cũng đều về... Đến khoảng cuối năm 2020 tôi có bàn với vợ tôi mua máy cuốn rom để làm chung và có trao đổi với ông bà Ngoại hỏi để vay vốn thì được ông bà đồng ý, ông bà đồng ý ủng hộ 100.000.000 đồng, nhưng khi tôi hỏi tiền mua máy thì ông bà nói chỉ có 50.000.000 đồng ít bữa nữa mới có, nên tôi đã chấp nhận đến đầu tháng 2 tôi có vào có ý mượn 50.000.000 đồng, nhưng ông bà nói giờ chỉ có 25.000.000 đồng, nhưng ông Nội phải vào mượn. Sau khi ông nói vậy tôi có về nói với vợ là ông Ngoại xem anh như là con nít hay sao mà nói anh như vậy, không có thì không nói ngay lúc đầu đi để không làm ăn chung nữa, chứ giờ không có tiền biết nói sao với người ta bây giờ. Sáng hôm sau vợ tôi lại chở con vào ngoại chơi, bản thân tôi có nói “em suốt ngày đi như vậy” bảo ông bà trả đây ngày 200.000 đồng để thuê người làm, chứ việc làm không hết mà đi suốt ngày, sau đó tôi đi phun thuốc cho Điều, đến trưa thì vợ tôi đã dọn dẹp đồ đạc về ông bà ngoại ở.

Sau đó khoảng 1 tuần tôi mới nói cho ông bà Nội biết, lúc đó ông bà Nội có vào nhà ông bà Ngoại để nói chuyện nhưng ông bà Ngoại có thái độ khinh thường nói “Con tôi về đây tôi có quyền nuôi và không cần báo cho ai hết và khinh thường tôi vì không đi làm cho ông bà mà đi làm ở bên ngoài.

Trong quá trình sống tại nhà riêng tôi thường xuyên bị ông bà ngoại nói ông bà nội sang tên nhà cửa đất đai cho vợ chồng tôi và về trong ông bà Ngoại sống nhưng tôi không đồng ý, sau này con tôi lớn tôi sẽ sang tên cho con, còn trong quá trình chung sống

tôi có đánh con riêng của vợ là do cháu được ông bà chiều chuộng, bố mẹ nói không nghe nên tôi mới đánh để dạy dỗ cháu.

Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng là có thực nay vợ tôi làm đơn ly hôn tôi không đồng ý.

Về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi sinh được 01 người con chung.

+ Cháu tên: Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 26/7/2020.

Còn với Cháu Bùi Đức Th, sinh ngày 22/7/2016, cháu Th là con riêng của vợ tôi với chồng trước.

Về nguyện vọng nếu hai vợ chồng ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 26/7/2020, đến tuổi trưởng thành,

Còn đối với cháu Bùi Đức Th, sinh ngày 22/7/2016 giữa chúng tôi không có quan hệ huyết thống chỉ là con nuôi, là con riêng của bà Thêm, nay cháu Thắng ở với mẹ tôi đồng ý.

Về trợ cấp nuôi con: Tôi không đồng ý vì tôi cũng yêu cầu nuôi cháu.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành triệu tập các đương sự để tiến hành cho các đương sự tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, do các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, thời hạn giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định theo Điều 179, Điều 195; Điều 196; Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Qua các chứng cứ đã được thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án, qua phần tranh tụng tại phiên tòa, xác định mâu thuẫn vợ chồng là thực tế, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống thì không mang lại hạnh phúc cho nhau.

- Từ các phân tích trên, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 58; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Vũ Thị T được ly hôn với ông Bùi Đức A.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng sinh được 01 người con chung Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 26/7/2020, hiện nay cháu N đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần giao cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Còn đối với cháu Bùi Đức Th, sinh ngày 22/7/2016 là con riêng của bà T, nên giao cho bà T nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp.

- Về trợ cấp phí tổn nuôi dưỡng con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu ông A phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung là 700.000

đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp với mức thu nhập thực tế tại địa phương nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Ông Bùi Đức A được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, Ông A không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không đề cập đến để giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Vũ Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết việc ly hôn với ông Bùi Đức A, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 11, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị T và ông Bùi Đức A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/01/2019 trên cơ sở tự nguyện, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Qua xem xét các chứng cứ trong hồ sơ vụ án HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Vũ Thị T và ông Bùi Đức A là có thực tế, trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nguyên nhân là do kinh tế không tách bạch được giữa gia đình bên chồng, hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, trong quá trình Tòa án giải quyết thì vào ngày 14/6/2021 ông Vũ Đức A có vào nhà ông Vũ Văn Q là bố vợ để đón cháu Bùi Thị Mỹ N, nên giữa hai bên có xảy ra mâu thuẫn, ông A đã có hành động đã hù dọa dỡ nhà của bố vợ, mở cốp xe máy lấy 01 con dao rồi nên xe máy chạy tông vào cửa nhà làm cửa bị hư hỏng, sau đó được cản ngăn nên ông A mới đi về sự việc này được BTQ thôn 6D xã C lập biên bản làm việc (Bl: 35). Trong quá trình giải quyết tại Tòa án ông A xác định mâu thuẫn vợ chồng là có thực, tình cảm vợ chồng không còn nữa, hiện đang sống ly thân nhưng ông A mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành hòa giải để hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành, mặc dù ông A không đồng ý ly hôn nhưng qua thời gian sống ly thân, qua hòa giải tại Tòa án, biên bản xác minh tại BTQ thôn 11, xã E, HĐXX xét thấy, về mâu thuẫn vợ chồng ông A và bà T đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, dẫn tới hai vợ chồng phải sống ly thân, tình cảm của bà T dành cho ông A là không còn nữa, cố níu kéo để tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Do vậy, HĐXX cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông Vũ Đức A là phù hợp.

Về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng ông Bùi Đức A và bà Vũ Thị T sinh được 01 người con chung.

+ Cháu tên: Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 26/7/2020.

Còn với Cháu Bùi Đức Th, sinh ngày 22/7/2016, cháu Th là con riêng của Vũ Thị T. Bà T và ông A đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Bùi Thị Mỹ N.

HĐXX xét thấy: cháu Bùi Thị Mỹ N còn nhỏ, cần có sự quan tâm chăm sóc, giáo dục của người mẹ là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình là “con dưới 36 tháng tuổi phải giao cho mẹ chăm sóc và nuôi dưỡng, trừ trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận khác”. Do các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không có sự thỏa thuận khác. Do vậy, căn cứ vào điều luật trên HĐXX cần giao cháu Bùi Thị Mỹ N sinh ngày 26/7/2020 cho bà Vũ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp.

Còn đối với cháu Bùi Đức Th, sinh ngày 22/7/2016, cháu Th là con riêng của Vũ Thị T, đều được các bên đương sự thừa nhận, mặc dù ông A đã nhận nuôi dưỡng và thay đổi để mang họ của ông A, tại Tòa án ông A đồng ý giao cháu Th cho bà T nuôi dưỡng, nên HĐXX cần giao cháu Th cho bà Vũ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Th là phù hợp.

Về tiền trợ cấp phí tổn nuôi dưỡng con chung: bà Vũ Thị T yêu cầu ông Bùi Đức A phải trợ cấp tiền nuôi dưỡng con chung là 700.000 đồng/tháng đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

HĐXX xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông A không đồng ý trợ cấp vì cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N, Tuy nhiên, HĐXX đã giao cháu N sinh ngày 26/7/2020 cho bà Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành, xét yêu cầu của bà T yêu cầu ông A phải có trách nhiệm trợ cấp phí tổn nuôi dưỡng con chung là phù hợp, qua biên bản xác minh tại địa phương, xác định ông A có nghề nghiệp làm nông, có mức thu nhập từ 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng/tháng, xét mức yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với mức thu nhập bình quân của ông A, xác định nghĩa vụ cấp dưỡng của bố mẹ với con cái khi ly hôn là ngang nhau, vì lợi ích của con nên HĐXX cần buộc ông Vũ Đức A phải có trách nhiệm hàng tháng phải trợ cấp phí tổn nuôi dưỡng con chung cho bà Vũ Thị T là 700.000 đồng/tháng để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đủ 18 tuổi.

Ông Bùi Đức A được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông A không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi dưỡng con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a Khoản 5

Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị T được ly hôn với ông Bùi Đức A.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 26/7/2020, cho bà Vũ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Còn đối với cháu Bùi Đức Th, sinh ngày 22/7/2016, là con riêng của Vũ Thị T, nên cần giao cho bà T chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về trợ cấp phí tổn nuôi dưỡng con chung: Hàng tháng ông Bùi Đức A phải có trách nhiệm trợ cấp tiền phí tổn nuôi dưỡng con chung cho bà Vũ Thị T để nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Mỹ N với số tiền là 700.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Ông Bùi Đức A được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông A không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0005280 ngày 14 tháng 04 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

Ông Bùi Đức A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí không có giá ngạch đối với số tiền cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- UBND xã Cư Elang; xã Ea Ô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Minh Ngọc